BỘ NGOẠI GIAO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: /BC-BNG-LS	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH
tại Nghị định về Lãnh sự danh dự nước ngoài tại Việt Nam

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Ngày 04/12/2000, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 139/2000/QĐ-TTg ban hành kèm theo Quy chế về Lãnh sự danh dự (LSDD) nước ngoài tại Việt Nam (Quy chế 139). Đây là cơ sở pháp lý quan trọng quy định quy trình, thủ tục giải quyết đề nghị thành lập Cơ quan lãnh sự (CQLS) nước ngoài tại Việt Nam do LSDD đứng đầu; tiêu chuẩn, thủ tục chấp thuận LSDD nước ngoài tại Việt Nam; quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho LSDD, cũng như khu vực hoạt động của LSDD tại Việt Nam. Quy chế 139 đã cụ thể hóa tương đối đầy đủ các quy định của Công ước Viên năm 1963 về Quan hệ lãnh sự áp dụng đối với CQLS do LSDD đứng đầu và LSDD.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn diện, một số quy định của Quy chế 139 không còn đáp ứng được tình hình và bộc lộ một số hạn chế, dẫn đến khó khăn trong việc giải quyết đề nghị của các nước trong việc thành lập CQLS nước ngoài do LSDD đứng đầu tại Việt Nam; việc chấp thuận LSDD; quyền ưu đãi, miễn trừ cũng như quản lý hoạt động của các CQLS này.

Bên cạnh đó, nhiều quốc gia thực hiện chính sách tiết kiệm, cắt giảm biên chế tại Cơ quan đại diện ở nước ngoài; nhiều nước chưa có Cơ quan đại diện Ngoại giao hoặc CQLS tại Việt Nam cũng chủ trương tiết kiệm chi phí thông qua việc mở CQLS do LSDD đứng đầu. Điều này dẫn đến việc số lượng LSDD nước ngoài tại Việt Nam trong thời gian qua tăng lên nhanh chóng và có xu hướng tiếp

tục tăng. Trước tình hình đó, việc đánh giá tình hình, báo cáo tổng kết thực hiện Quy chế 139 để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc bổ sung, sửa đổi hoặc ban hành văn bản mới quy định quy chế của LSDD nước ngoài tại Việt Nam là cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc chấp thuận và quản lý LSDD nước ngoài tại Việt Nam, bảo đảm lợi ích quốc gia và phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Bối cảnh về vấn đề LSDD nước ngoài tại Việt Nam sẽ được trình bày dưới góc nhìn cụ thể như sau:

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.1. Mục tiêu tổng thể

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, thực hiện các nhiệm vụ mà Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam năm 1993 (Pháp lệnh năm 1993) giao cho Chính phủ hướng dẫn, ban hành, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn và thông lệ quốc tế.

- Thể hiện rõ sự chủ động của Nhà nước ta trong hội nhập quốc tế và thiện chí của Chính phủ Việt Nam trong việc giải quyết nhu cầu bổ nhiệm LSDD của nước ngoài tại Việt Nam.

- Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với LSDD và hoạt động của LSDD nước ngoài tại Việt Nam.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hình thành khung pháp lý tổng thể về LSDD nước ngoài tại Việt Nam, khắc phục được những hạn chế, bất cập trong quy định hiện tại về LSDD.

- Phù hợp với thông lệ quốc tế và các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, đặc biệt là Pháp lệnh năm 1993 về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và Cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

- Tạo cơ sở pháp lý để Bộ Ngoại giao giải quyết các vấn đề phát sinh đối với LSDD nước ngoài tại Việt Nam, thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Cơ quan LSDD và LSDD.

II.ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Quy định thủ tục chấp thuận Lãnh sự danh dự

1.1. Xác định vấn đề bất cập: Từ góc độ thủ tục chấp thuận LSDD:

- Việc chấp thuận LSDD:

Pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể thẩm quyền của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ trong việc cho phép phía nước ngoài lập CQLS danh dự tại Việt Nam cũng như xác định khu vực lãnh sự mà LSDD được phép hoạt động.

Về thẩm quyền chấp thuận việc thành lập CQLS danh dự nước ngoài, hiện Bộ Ngoại giao thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 6818/VPCP-QHQT ngày 23/11/2005 của Văn phòng Chính phủ (thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Vũ Khoan), theo đó "*Việc để nước ngoài lập CQLS chuyên nghiệp hoặc CQLS do LSDD đứng đầu ở một địa bàn mới trên lãnh thổ Việt Nam cần phải xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ vì liên quan tới mối tương quan trong quan hệ quốc tế và an ninh. Vì vậy, Bộ Ngoại giao cần trao đổi thống nhất với các ngành hữu quan để đề xuất chủ trương chung xác định các địa bàn có thể cho nước ngoài lập CQLS chuyên nghiệp hoặc CQLS do LSDD đứng đầu (ngoài Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) để chủ động xử lý".*

Phù hợp với thông báo trên của Văn phòng Chính phủ, thời gian qua Bộ Ngoại giao làm thủ tục chấp thuận việc thành lập CQLS danh dự nước ngoài theo hướng: (i) trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập CQLS danh dự đối với những CQLS được đặt ở khu vực mới trên lãnh thổ Việt Nam (*ngoài* Hà Nội hoặc thành phố Hồ Chí Minh); và (ii) chủ động quyết định việc cho phép nước ngoài thành lập CQLS danh dự nếu khu vực lãnh sự nằm tại hai thành phố trên.

- Quốc tịch của LSDD:

Theo quy định tại Điều 22 Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự mà Việt Nam là thành viên từ tháng 10/1992 thì viên chức lãnh sự (bao gồm lãnh sự chuyên nghiệp và LSDD) về nguyên tắc phải có quốc tịch nước cử, chỉ được phép là người mang quốc tịch nước tiếp nhận hoặc nước thứ ba khi nước tiếp nhận đồng ý.

Khoản 1 Điều 4, Quy chế 139 quy định: LSDD nước ngoài tại Việt Nam phải có quốc tịch Nước cử hoặc quốc tịch Việt Nam. Thời gian qua, Bộ Ngoại giao nhận được đề nghị của một số nước đề cử ứng viên LSDD mang quốc tịch nước thứ ba hoặc đa quốc tịch như Mác-san (mang quốc tịch Trung Quốc), Mô-na-cô (mang quốc tịch Thụy Sỹ, Pháp), Mê-xi-cô (mang quốc tịch Đức, gốc Việt Nam).

Đến nay, ta đã chấp thuận cho LSDD Mô-na-cô, Mê-xi-cô và từ chối đề cử của Mác-san. Tuy nhiên đây đều là các trường hợp ngoại lệ, chưa có quy định giải quyết cụ thể cho những trường hợp tương tự. Một số nước có dự định bổ nhiệm LSDD tại Việt Nam cũng thăm dò quy định của ta về vấn đề này trước khi bổ nhiệm.

- Về thời hạn nhiệm kỳ của LSDD:

Công ước Viên 1963 về Quan hệ lãnh sự không quy định về thời hạn nhiệm kỳ của LSDD do đó không có cơ sở để xác định nhiệm kỳ của LSDD, gây khó khăn cho việc cấp các giấy tờ liên quan đến LSDD (cụ thể: điền thông tin trên các giấy tờ liên quan, xác định hiệu lực của các quyền ưu đãi miễn trừ). Qua nghiên cứu thực tiễn quốc tế cho thấy nhiều nước không quy định thời hạn cụ thể nhiệm kỳ của LSDD: Ai-xơ-len cho phép nhiệm kỳ LSDD đến 70 tuổi và có thể gia hạn tiếp; Mô-na-cô quy định thời hạn nhiệm kỳ 05 năm và tự động gia hạn đến khi đủ 75 tuổi; Thái Lan quy định LSDD có nhiệm kỳ 03 năm và được tự động gia hạn 03 năm tiếp theo nếu không có thông báo chấm dứt hoạt động trong vòng 06 tháng trước khi kết thúc nhiệm kỳ của LSDD, LSDD sẽ về hưu ở độ tuổi 70 trừ khi được Bộ Ngoại giao Thái Lan tiếp tục bổ nhiệm như trường hợp ngoại lệ thêm nhiệm kỳ 03 năm. Ca-na-đa quy định LSDD có nhiệm kỳ 03 năm, có thể được gia hạn tiếp trước 01 tháng khi hết nhiệm kỳ; Phần Lan là 05 năm, có thể được gia hạn tiếp trước 01 tháng khi hết nhiệm kỳ.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Xây dựng các quy định về thủ tục chấp thuận LSDD.

- Đảm bảo việc thực thi thuận lợi, hiệu quả và là thông tin hữu ích để các nước có nhu cầu lập CQLS danh dự tại Việt Nam biết, thực hiện.

- Nhất quán về quy định quốc tịch của LSDD giữa Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và quy định pháp luật trong nước.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

1.3.1. Giải pháp 1: giữ nguyên hiện trạng

1.3.2. Giải pháp 2: xây dựng quy định về thủ tục chấp thuận, chấm dứt hoạt động LSDD trên cơ sở kế thừa một số quy định phù hợp của Quy chế 139; bao gồm các quy định về:

- Trình tự thủ tục thành lập cơ quan LSDD;

- Trình tự, thủ tục chấp thuận LSDD;

- Quy định hồ sơ bổ nhiệm LSDD, tiêu chuẩn bổ nhiệm LSDD (quốc tịch, điều kiện về chỗ ở/nơi thường trú, điều kiện về cơ sở sản xuất kinh doanh, điều kiện lý lịch tư pháp, khả năng tài chính và một số điều kiện nhân thân khác ...);

- Quy định về việc chấm dứt hoạt động của Cơ quan LSDD và LSDD.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Giải pháp 1

1.4.1.1. Tác động về kinh tế

Không làm phát sinh chi phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

1.4.1.2. Tác động về xã hội

a. Tác động tích cực: Không có

b. Tác động tiêu cực:

- Không đáp ứng được xu thế các nước bổ nhiệm LSDD tại Việt Nam;

- Không giải quyết được các vướng mắc, hạn chế phát sinh trong thực tế hiện nay như quốc tịch của LSDD;

- Chưa đáp ứng được đề nghị của các nước trong việc đề cử LSDD.

1.4.1.3. Tác động về giới: Không có

1.4.1.4. Tác động về thủ tục hành chính: Không có

1.4.1.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

a. Tác động tích cực: Không có

b. Tác động tiêu cực:

- Không đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Không đảm bảo cơ sở pháp lý để giải quyết một số tình huống phát sinh trong thực tiễn.

1.4.1.6. Tác động đối ngoại

a) Tác động tích cực: không có

b) Tác động tiêu cực: không giải quyết được triệt để vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể để bổ nhiệm LSDD nhằm khắc phục những vướng mắc hiện có.

1.4.2. Giải pháp 2

1.4.2.1. Tác động về kinh tế:

a. Tác động tích cực:

- Góp phần phát triển kinh tế đất nước, nhất là khi các LSDD nước ngoài tại Việt Nam đa phần là các doanh nhân, có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế giữa hai nước;

- Phù hợp với thông lệ quốc tế, đáp ứng yêu cầu của các nước mong muốn bổ nhiệm LSDD tại Việt Nam, qua đó thúc đẩy quan hệ song phương, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại và đầu tư.

b. Tác động tiêu cực:

Phát sinh kinh phí xây dựng Nghị định.

1.4.2.2. Tác động về xã hội

a. Tác động tích cực:

- Thuận lợi việc xác định cơ quan có thẩm quyền về chấp thuận LSDD.

- Giải quyết được các vướng mắc, hạn chế phát sinh để tạo điều kiện thuận lợi cho các nước tìm được ứng viên làm LSDD nước ngoài tại Việt Nam.

b. Tác động tiêu cực: Không có

1.4.2.3. Tác động về giới: Không có

1.4.2.4. Tác động về thủ tục hành chính: Không có

1.4.2.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật:

a. Tác động tích cực:

- Đảm bảo cơ sở pháp lý giải quyết tình huống phát sinh trong thực tiễn.

- Tạo khung pháp lý để giải quyết việc chấp thuận LSDD nước ngoài phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế.

b. Tác động tiêu cực: Không có

1.4.2.6. Tác động về đối ngoại

a) Tác động tích cực: làm rõ, cụ thể hóa các quy định về thủ tục chấp thuận LSDD trong đó có các điều kiện bổ nhiệm LSDD từ đó giải quyết những vướng mắc phát sinh trong thời gian qua; góp phần vào việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao

b) Tác động tiêu cực: không có

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn Giải pháp 2 quy định cụ thể về thủ tục chấp thuận LSDD và các tiêu chuẩn, điều kiện của LSDD.

2. Chính sách 2: Quy định quy chế hoạt động của Lãnh sự danh dự

2.1. Xác định vấn đề bất cập: Từ góc độ quy chế hoạt động của LSDD

- Quy định về khu vực lãnh sự và việc một LSDD đứng đầu nhiều CQLS danh dự:

Theo Điều 3 Quy chế 139, khu vực lãnh sự của CQLS do LSDD đứng đầu không vượt quá địa giới hành chính của một tỉnh hoặc một thành phố trực thuộc Trung ương. Ngoài ra, ta cũng chưa có quy định về việc chấp thuận cho 01 người làm LSDD cho nhiều CQLS danh dự tại Việt Nam.

Công ước Viên năm 1963 về quan hệ lãnh sự không hạn chế và giới hạn khu vực lãnh sự của LSDD chỉ trong một địa giới hành chính, hay một tỉnh, thành nhất định; không giới hạn việc một LSDD chỉ được đứng đầu một CQLS danh dự. Các vấn đề này thuộc thẩm quyền hoàn toàn và trên cơ sở thỏa thuận giữa nước tiếp nhận và nước ủy nhiệm LSDD (Nước cử).

Trên thực tế, một số nước tiếp nhận cũng đã chấp thuận phạm vi hoạt động (khu vực lãnh sự) của LSDD của ta tại nước đó vượt quá phạm vi một tỉnh thành; ví dụ: khu vực lãnh sự của LSDD Việt Nam ở Mô-na-cô là toàn bộ lãnh thổ công quốc Mô-na-cô, khu vực lãnh sự của LSDD Việt Nam tại Cộng hòa Síp là toàn bộ lãnh thổ cộng hòa Síp, khu vực lãnh sự của LSDD Việt Nam tại Hà Lan là Am-stờ-đam (Amsterdam) và Ro-téc-đam (Rotterdam)….

Ngoài ra, đối với LSDD nước ngoài tại Việt Nam, một số nước đã thể hiện mong muốn mở rộng khu vực lãnh sự của LSDD tại Việt Nam, thậm chí đề nghị khu vực lãnh sự toàn bộ lãnh thổ Việt Nam cho CQLS do LSDD đứng đầu (năm

2009, Bộ Ngoại giao Mô-na-cô đề nghị ta chấp thuận cho Mô-na-cô được thành lập CQLS do LSDD đứng đầu với khu vực lãnh sự là toàn lãnh thổ Việt Nam. Tuy nhiên, ta chỉ chấp nhận khu vực lãnh sự bao gồm nội, ngoại thành Tp. Hồ Chí Minh). Một số nước đề nghị ta chấp thuận việc cùng một LSDD đứng đầu 02 CQLS tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh (Ai-xơ-len, Bồ Đào Nha, Lúc-xăm-bua). Riêng năm 2016, ta đã chấp thuận như trường hợp ngoại lệ cho Palau mở 02 CQLS tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh và bổ nhiệm ông Nguyễn San Miên Nhuận làm LSDD đứng đầu cả 02 cơ quan trên.

Như vậy, quy định về khu vực lãnh sự cho LSDD tại Quy chế 139 (chỉ giới hạn địa bàn trong 01 tỉnh/thành phố và mỗi LSDD chỉ đứng đầu 01 CQLS danh dự) không còn phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế. Quy định này cũng không phù hợp với nguyên tắc đối đẳng (trường hợp LSDD của ta tại Mô-na-cô như nêu ở trên) trong quan hệ quốc tế và gây khó khăn cho ta khi các nước yêu cầu áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Bên cạnh đó, với xu hướng các nước ngày càng phát triển mạng lưới LSDD trên thế giới như hiện nay, việc chỉ cho phép LSDD được hoạt động trong phạm vi 01 tỉnh/thành phố làm giảm vai trò của LSDD trong thúc đẩy quan hệ đầu tư thương mại giữa Việt Nam và các đối tác nước ngoài.

- <u>Thực hiện các quyền ưu đãi, miễn trừ đối với CQLSDD và LSDD</u>

Hiện nay, ta chưa có hướng dẫn cụ thể đối với quy định tại Pháp lệnh 1993 về việc treo quốc kỳ, quốc huy của Nước cử, biển tên tại trụ sở CQLS do LSDD đứng đầu cũng như các quy định phân định rõ ràng về quyền ưu đãi miễn trừ khi LSDD thực hiện chức năng lãnh sự của mình và khi thực hiện các hoạt động cá nhân. Vướng mắc phát sinh từ thực tế là khó phân định giữa hoạt động thực hiện chức năng của LSDD và hoạt động nghề nghiệp, kinh doanh của LSDD; bên cạnh đó, trụ sở LSDD cũng thường là một bộ phận nằm trong cơ sở sản xuất, kinh doanh của LSDD hoặc nhiều trường hợp trụ sở CQLS do LSDD đứng đầu chỉ là một phòng hoặc một khu vực riêng biệt đặt trong trụ sở kinh doanh (có thể là cơ sở sản xuất rộng nhiều hec-ta). Điều này gây khó khăn cho cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về LSDD và CQLS danh dự; việc không quy định cụ thể đã tạo nên lỗ hổng trong việc quản lý LSDD; gây khó khăn cho các cơ quan quản lý.

2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tạo cơ sở pháp lý thống nhất và rõ ràng cho hoạt động của LSDD và Cơ quan LSDD.

- Giải quyết nhu cầu xử lý công việc lãnh sự trên địa bàn rộng của CQLS do LSDD đứng đầu do hiện nay nhiều quốc gia (chủ yếu là các nước vừa và nhỏ) không thành lập Cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự chuyên nghiệp tại Việt Nam. Từ đó góp phần thúc đẩy tốt hơn hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa giữa Nước cử và Nước nhận.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho LSDD nước ngoài làm việc và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

2.3.1. Giải pháp 1: giữ nguyên hiện trạng

2.3.2. Giải pháp 2: quy định cụ thể liên quan đến hoạt động của LSDD như:

- Quy định chức năng lãnh sự của LSDD;

- Quy định cụ thể về khu vực lãnh sự. Theo đó, khu vực lãnh sự của CQLS do LSDD đứng đầu được mở rộng ra một số đơn vị hành chính (tỉnh/thành phố) trên cơ sở đánh giá lĩnh vực, thế mạnh có thể hợp tác của nước có CQLS đối với tỉnh/thành phố để hỗ trợ và thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội; không chỉ giới hạn trong địa giới một (01) tỉnh thành phố nhất định;

- Quy định rõ về quyền, nghĩa vụ của LSDD;

- Quy định về nhiệm kỳ của LSDD; việc cấp gia hạn thu hồi Chứng minh thư Lãnh sự danh dự;

- Quy định về bộ máy hoạt động và trụ sở hoạt động của Cơ quan Lãnh sự. Theo đó, quy định rõ mỗi Cơ quan Lãnh sự danh dự chỉ có một trụ sở hoạt động. Trong khi thực hiện chức năng lãnh sự, LSDD phải phân định rõ trụ sở để thực hiện các chức năng lãnh sự của LSDD và trụ sở cơ sở kinh doanh, thương mại cá nhân của mình;

- Quy định về quyền, ưu đãi, miễn trừ dành cho Cơ quan Lãnh sự danh dự;

- Quy định về việc tạm dừng thực hiện chức năng lãnh sự và việc thay đổi trụ sở Cơ quan Lãnh sự danh dự.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Giải pháp 1

2.4.1.1. Tác động về kinh tế: Không có

2.4.1.2. Tác động về xã hội:

a. Tác động tích cực: Không có

b. Tác động tiêu cực:

- Chưa tạo điều kiện cho LSDD thúc đẩy tốt hơn hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa giữa Nước cử và Việt Nam.

- Gây khó khăn cho các LSDD (vốn không phải viên chức lãnh sự chuyên nghiệp) trong việc hiểu và biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi thực hiện chức năng LSDD trên lãnh thổ Việt Nam.

2.4.1.3. Tác động về giới: Không có

2.4.1.4. Tác động về thủ tục hành chính: Không có

2.4.1.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật:

a. Tác động tích cực: Không có

b, Tác động tiêu cực:

- Chưa có cơ sở pháp lý quy định cụ thể về khả năng Nước cử bổ nhiệm nhiều chức danh LSDD cùng đứng đầu 01 CQLS.

- Chưa phù hợp với thông lệ quốc tế.

- Khó theo dõi và áp dụng thống nhất tại các địa phương khác nhau, không đảm bảo cơ sở pháp lý để giải quyết một số tình huống phát sinh trong thực tiễn.

2.4.2. Giải pháp 2

2.4.2.1. Tác động về kinh tế:

a. Tác động tích cực: Góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước, tạo thuận lợi cho các LSDD nước ngoài tại Việt Nam đóng góp cho sự phát triển kinh tế giữa hai nước.

b. Tác động tiêu cực: Phát sinh kinh phí xây dựng Nghị định.

2.4.2.2. Tác động về xã hội

a. Tác động tích cực:

- Góp phần thúc đẩy tốt hơn hợp tác kinh tế, thương mại, văn hóa giữa Nước cử và Việt Nam, phù hợp với nhu cầu thực tiễn hiện nay và tạo điều kiện cho LSDD có những hoạt động thiết thực tại Việt Nam.

- Tạo điều kiện cho các LSDD (vốn không phải viên chức lãnh sự chuyên nghiệp) dễ dàng hiểu và biết được quyền và nghĩa vụ của mình khi thực hiện chức năng LSDD trên lãnh thổ Việt Nam.

b. Tác động tiêu cực: Không có

2.4.2.3. Tác động về giới: Không có

2.4.2.4. Tác động về thủ tục hành chính: Không có

2.4.2.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật

a. Tác động tích cực:

- Đảm bảo cơ sở pháp lý giải quyết tình huống phát sinh trong thực tiễn.

- Làm rõ một số quy định của Pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ năm 1993 nhằm tạo thuận lợi cho việc theo dõi và áp dụng thống nhất.

- Không đặt ra vấn đề giải thích luật và văn bản cấp dưới quy định chi tiết hơn văn bản cấp trên.

b. Tác động tiêu cực: Không có

2.4.2.6. Tác động về mặt đối ngoại

a) Tác động tích cực: có quy định pháp luật rõ ràng, cụ thể, tạo thuận lợi trong việc thực hiện chức năng quản lý LSDD ở Việt Nam; tao cơ sở rõ ràng trong việc ta phải trang trải, giải thích với các yêu cầu, đề xuất của các nước khi có đề nghị liên quan đến hoạt động của LSDD.

b) Tác động tiêu cực: Không có

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

Lựa chọn Giải pháp 2 quy định cụ thể về quy chế hoạt động của Lãnh sự danh dự.

III.GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá để thực hiện chính sách./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Chính phủ;
- Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính;
- PTTg Phạm Bình Minh;
- Bộ trưởng Bùi Thanh Sơn;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Tư pháp, NV, LĐTBXH;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị: LPQT, LT, CNV, Sở NVTP.HCM, TCCB;
- Lưu: HC, LS.